

CÔNG TY TNHH MTV
HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN NAM
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV
HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN NAM
- HOA TIÊU VIII

Số: 33/CNHT.VIII-TCTH
V/v niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Quý khách hàng, chủ tàu, đại lý

Thực hiện Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về Quy định niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam.

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam – Hoa tiêu VIII đăng ký thông tin và thực hiện niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải như sau (kèm theo Bảng niêm yết giá):

- Tên doanh nghiệp: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam – Hoa tiêu VIII

- Địa chỉ giao dịch: CL8 Đại lộ Nguyễn Tất Thành – Hòn Rớ II – xã Phước Đồng – Tp. Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa.

- Số điện thoại: 0258.3711115 – 0948771667

- Số fax: 0258.3711123

- Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp: www.pilotcosouth.vn

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 04/9/2024.

Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam – Hoa tiêu VIII xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công ty HTHHMN (để b/c);
- Ban Lãnh đạo chi nhánh;
- Lưu: VT, TCTH.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoài Anh

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2025

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ
(Ban hành kèm theo Công văn số 33/ CNHT.VIII-TCTH ngày 12 tháng 3 năm 2025 của
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam – Hoa tiêu VIII)

I. Mức giá kê khai

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (Văn bản số 170/CTHTHHKVVIII ngày 01/7/2024) (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Giá kê khai kỳ này (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)	Ghi chú
				Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)	Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Dịch vụ hoa tiêu đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa										
1.1	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời các tuyến dẫn tàu Vân Phong, Ba Ngòi, Nha Trang (tỉnh Khánh Hoà); Cà Ná (tỉnh Ninh Thuận) - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/GT/HL Đồng/lượt	Giá DVHTHH	60 2.000.000	64,80 2.160.000	60 2.000.000	64,80 2.160.000	01/07/2024	Không Không	Không Không	
1.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý. - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/GT Đồng/lượt	Giá DVHTHH	60 2.000.000	64,80 2.160.000	60 2.000.000	64,80 2.160.000	01/07/2024	Không Không	Không Không	



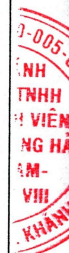
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (Văn bản số 170/CTHTHHKVVIII ngày 01/7/2024) (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Giá kê khai kỳ này (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)	Ghi chú
				Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)	Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền trên các tuyến còn lại. - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/GT/HL Đồng/lượt	Giá DVHTHH	25 2.000.000	27 2.160.000	25 2.000.000	27 2.160.000	01/07/2024	Không Không	Không Không	
1.4	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện + Hoa tiêu chưa xuất phát: tính 01 giờ; + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ; + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại.	Đồng/giờ/người Đồng/giờ/người và phương tiện	Giá DVHTHH	30.000 200.000	32.400 216.000	30.000 200.000	32.400 216.000	01/07/2024	Không Không	Không Không	
1.5	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 04 giờ	Đồng/GT/HL	Giá DVHTHH	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	01/07/2024	Không	Không	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (Văn bản số 170/CTHTTHKVVIII ngày 01/7/2024) (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Giá kê khai kỳ này (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)	Ghi chú
				Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)	Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.6	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu.	Đồng/GT/HL	Giá DVHTHH	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	01/07/2024	Không	Không	
1.7	Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị hiệu chỉnh la bàn.	Đồng/GT/HL	Giá DVHTHH	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	01/07/2024	Không	Không	
1.8	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai.	Đồng/GT/HL	Giá DVHTHH	150% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	150% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	150% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	150% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	01/07/2024	Không	Không	
1.9	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất.	Đồng/GT/HL	Giá DVHTHH	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	110% giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	01/07/2024	Không	Không	
1.10	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải.	Đồng/lượt	Giá DVHTHH	2.000.000	2.160.000	2.000.000	2.160.000	01/07/2024	Không	Không	
1.11	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu.	Đồng/tàu/lượt	Giá DVHTHH	300.000	324.000	300.000	324.000	01/07/2024	Không	Không	

0600
HÀNH
G TY
THÀNH
H
TIỀN
VG - 1

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (Văn bản số 170/CTHTHHKV VIII ngày 01/7/2024) (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Giá kê khai kỳ này (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)	Ghi chú
				Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)	Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.12	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/GT/HL Đồng/lượt	Giá DVHTHH	60 2.000.000	64,80 2.160.000	60 2.000.000	64,80 2.160.000	01/07/2024	Không Không	Không Không	
2	Dịch vụ hoa tiêu đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải quốc tế										
2.1	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá).	USD/lượt	Giá DVHTHH	40	43,20	40	43,20	01/07/2024	Không	Không	
2.2	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời các tuyến dẫn tàu Vân Phong, Ba Ngòi, Nha Trang (tỉnh Khánh Hoà); Cà Ná (tỉnh Ninh Thuận) - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT/HL USD/lượt	Giá DVHTHH	0,00450 300	0,00486 324	0,00450 300	0,00486 324	01/07/2024	Không Không	Không Không	
2.3	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời các tuyến dẫn tàu Ninh Chữ (Ninh Thuận) - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT/HL USD/lượt	Giá DVHTHH	0,00340 300	0,00367 324	0,00340 300	0,00367 324	01/07/2024	Không Không	Không Không	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (Văn bản số 170/CTHTHHKVVIII ngày 01/7/2024) (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Giá kê khai kỳ này (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)	Ghi chú
				Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)	Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2.4	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý. - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT USD/lượt	Giá DVHTHH	0,015 108	0,0162 108	0,015 108	0,0162 108	01/07/2024	Không Không	Không Không	
2.5	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian bảo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người vận chuyển phải trả tiền chờ đợi: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện + Hoa tiêu chưa rời vị trí xuất phát: Tính là 01 giờ. + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ. + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại thực tế.	USD/giờ/người USD/giờ/người và phương tiện	Giá DVHTHH	10 20	10,8 21,6	10 20	10,8 21,6	01/07/2024	Không Không	Không Không	
2.6	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 04 giờ.	USD/GT/HL	Giá DVHTHH	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	01/07/2024	Không	Không	



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (Văn bản số 170/CTHTHHKVVIII ngày 01/7/2024) (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Giá kê khai kỳ này (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)	Ghi chú
				Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)	Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2.7	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu.	USD/GT/HL	Giá DVHTHH	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	80% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	01/07/2024	Không	Không	
2.8	Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị hiệu chỉnh la bàn.	USD/GT/HL	Giá DVHTHH	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	01/07/2024	Không	Không	
2.9	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lái.	USD/GT/HL	Giá DVHTHH	150% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	150% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	150% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	150% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	01/07/2024	Không	Không	
2.10	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất.	USD/GT/HL	Giá DVHTHH	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	110% giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4	01/07/2024	Không	Không	
2.11	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải.	USD/lượt	Giá DVHTHH	300	324	300	324	01/07/2024	Không	Không	
2.12	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu.	USD/tàu/lượt	Giá DVHTHH	30	32,4	30	32,4	01/07/2024	Không	Không	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (Văn bản số 170/CTHTHHKVVIII ngày 01/7/2024) (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Giá kê khai kỳ này (đã bao gồm thuế GTGT 8%)		Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)	Ghi chú
				Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)	Giá chưa VAT	Giá đã có VAT (8%)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2.13	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng. - Tính theo đơn giá - Tính theo lượt dẫn tàu	USD/GT USD/lượt	Giá DVHTHH	0,015 100	0,0162 108	0,015 100	0,0162 108	01/07/2024	Không Không	Không Không	

II. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

Từ ngày 04/9/2024, Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam – Hoa tiêu VIII thực hiện thu giá dịch vụ hoa tiêu theo Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam; Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam và Thông tư số 31/2024/TT-BGTVT ngày 30/10/2024 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024.

Mức giá niêm yết sau khi tách thuế GTGT vẫn nằm trong giá theo quy định tại Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 15/5/2024 ban hành Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam và Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Quyết định ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam.

III. Các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng

Các quy định cụ thể được áp dụng theo Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 15/5/2024 ban hành Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam và Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Quyết định ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam và Thông tư số 31/2024/TT-BGTVT ngày 30/10/2024 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024:

Mức giá niêm yết theo quy định tại Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải, Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải và Thông tư số 31/2024/TT-BGTVT ngày 30/10/2024 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024. Các trường hợp tính giá cụ thể được áp dụng theo Điều 8 Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải và Điều 5 Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải, cụ thể như sau:

1. Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có các kết nước dằn.

2. Đối với tàu thuyền chở khách: dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

3. Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% mức giá quy định trong bảng kê khai giá này hoặc áp dụng bằng 2.160.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế.

4. Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 50% mức giá quy định trong bảng kê khai giá này hoặc áp dụng bằng 2.160.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

5. Tàu thuyền chở khách hoạt động quốc tế có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, áp dụng bằng 40% giá quy định tại khoản 2, Mục I bảng kê khai giá này hoặc áp dụng bằng 324 USD.

6. Tàu thuyền hoạt động vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hoá, không đón, trả khách, áp dụng bằng 70% giá quy định trong bảng kê khai giá này.

7. Tàu thuyền vào, rời cảng tránh trú bão hoặc để bàn giao người bị nạn trên biển mà không xếp dỡ hàng hoá, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực; tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc đối tượng tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong bảng kê khai giá này.

Đối với các đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 0% thì mức giá áp dụng bằng mức giá kê khai (cột 6) chia cho (1 + 8% VAT).

Tỷ giá (VND/USD) áp dụng là tỷ giá giao dịch mua chuyển khoản công bố tại Ngân hàng Chi nhánh kê khai giá mở tài khoản tại thời điểm phát hành hóa đơn.

Mức giá niêm yết này thực hiện từ ngày 04 tháng 9 năm 2024.



Nguyễn Hoài Anh